

Bác Hồ với thiếu niên, nhi đồng

■ TIỀN AN

Nhà thơ Tố Hữu đã viết:
“Bác sống như trời đất của ta
Yêu từng ngọn lúa, mỗi cành hoa
Tự do cho mỗi đời nô lệ
Sữa để em thơ, lụa tặng già...”

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất thương yêu và dành nhiều tình cảm chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Bác sinh ra và lớn lên giữa lúc nước mất, dân tộc bị lâm than, nô lệ, tuổi thơ Bác gắn với những tháng năm “dữ dội”; bởi vậy, Người hiểu sâu sắc sự thiệt thòi, bất hạnh của trẻ em Việt Nam trước “vận nước gian nan”, Bác đau lòng trước cảnh:

*“Trẻ em cũng bị bận thân cực lòng
Học hành, giáo dục đã không*

Nhà nghèo lại phải làm công, cấy bừa ...”

Đối với Bác Hồ, thiếu nhi là lứa tuổi hồn nhiên, thơ ngây, trong sáng chưa đủ để nhận thức nên rất cần được chăm sóc, giáo dục tốt mới trở thành công dân có ích, thế hệ gánh vác sứ mệnh đất nước sau này, là người chủ tương lai của nước nhà nên Bác luôn quan tâm giáo dục và theo Bác là cần phải sớm rèn luyện đạo đức cách mạng cho trẻ em. Bởi vậy, từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945 cho đến trước lúc “đi xa”, Bác đã dành nhiều tâm huyết, tình cảm giáo dục thế hệ trẻ thông qua nhiều bức thư và những bài thơ chứa chan tình thương yêu của Người.

Năm nay chúng ta kỷ niệm 72 năm, ngày Quốc tế thiếu nhi (1/6/1950 - 1/6/2022). Kỷ niệm ngày này, loài người không thể quên hàng mấy trăm trẻ em vô tội ở làng Li-đi-xơ thuộc Tiệp Khắc (1942) và ở thị trấn Ô-ra-đua thuộc Pháp (1944) đã bị quân đội phát xít Hítler tàn sát cực kỳ man rợ, mặc cho tiếng kêu gào thảm thiết của các em. Kể từ ngày khủng khiếp ấy, bao người vẫn chưa dứt cơn ác mộng về chiến tranh và càng thấy trách nhiệm hơn. Với



(Ảnh sưu tầm)

trách nhiệm thiêng liêng và cao quý, năm 1949 Liên đoàn Phụ nữ dân chủ Quốc tế đã quyết định lấy ngày 1/6 hằng năm làm ngày quốc tế bảo vệ thiếu nhi, nhằm đòi chính phủ các nước phải nhận trách nhiệm về đời sống thiếu nhi, đòi giảm ngân sách quân sự để tăng ngân sách giáo dục, bảo vệ và chăm sóc thiếu niên, nhi đồng. Năm 1959, Tuyên bố về quyền trẻ em được ra đời; năm 1989, Công ước về quyền trẻ em cũng được ký kết vào ngày này, có hơn 191 nước phê chuẩn. Việt Nam là nước đầu tiên ở châu Á và nước thứ hai của thế giới ký vào Công ước này.

Ở nước ta, Ngày Quốc tế Thiếu nhi đầu tiên (1/6/1950) trong giai đoạn cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Lúc này dân tộc ta đang trải qua thời kỳ cam go ác liệt nhất, nhưng Bác Hồ vẫn luôn nghĩ tới thiếu nhi cả nước và gửi thư chúc mừng các cháu thiếu niên, nhi đồng. Bác viết: “Bác thương các cháu lắm, Bác hứa với các cháu rằng đến ngày đánh đuổi hết giặc Pháp, kháng chiến thành công, Bác cùng Chính phủ và các đoàn thể sẽ cố gắng làm cho các cháu dần dần được no ấm, được vui chơi, được học hành, được vui sướng...”. Cũng từ đó, hằng năm cứ đến ngày Tết thiếu nhi và Tết Trung thu, thiếu nhi cả nước ta lại hân hoan đón thư chúc mừng của Bác Hồ. Thư của Bác

thường gọn, lời lẽ âu yếm, giản dị rất dễ nhớ, dễ thuộc nên dễ đi vào tâm hồn trẻ thơ. Trong thư của Bác ngoài chứa đựng tư tưởng lớn, còn là những lời chỉ bảo ân cần, dạy dỗ thiếu niên, nhi đồng từ việc nhỏ đến việc lớn rất cụ thể: “Ở nhà phải nghe lời bố mẹ. Đi học phải siêng năng. Đối với thầy phải kính trọng, lễ phép. Đối với bạn phải đoàn kết, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau”; “Giữ kỷ luật, chống tự do phóng túng, vì tự do phóng túng là không tốt”; “Phải yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, yêu lao động”; “Phải thật thà, dũng cảm”; “Việc gì có ích cho kháng chiến, có ích cho Tổ quốc thì các cháu nên gắng sức làm. Tuổi các cháu còn nhỏ, nhiều công việc nhỏ cộng lại thành công việc to”...

Tình yêu thương của Bác Hồ bao la vô hạn, Người đã quên mình dành “hết thảy” cho mọi người dân Việt Nam và cho những ai lao khổ, bị áp bức, đọa đày trên toàn thế giới. Theo Bác, khi đất nước bị nô lệ thì người già và trẻ em chịu nhiều thiệt thòi nhất. Tình yêu thương và sự quan tâm được Người thể hiện trong các bài nói, nhiều bức thư và thơ. Trong những năm bôn ba đi tìm đường cứu nước, chứng kiến trẻ em ở các nước thuộc địa cũng bị làm than, cơ cực, Bác nghĩ về đất nước, thương thiếu niên, nhi đồng ở nước nhà đang bị chà đạp, bất hạnh trong nỗi đau chung của người dân mất nước.

Hơn hết, Bác Hồ đặc biệt quan tâm và luôn luôn nhắc nhở, khích lệ các cháu là học tập, học sao cho tốt, cho giỏi, bởi rằng ... “Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu hay không chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu...”. Con người là vốn quý, thiếu nhi là vốn quý nhất trong vốn quý ấy. Bác Hồ chỉ rõ: “Ngày nay chúng là thiếu nhi, ít năm sau chúng sẽ là công dân, cán bộ”. Điều này có nghĩa rằng hôm nay chúng ta chuẩn bị cho các em như thế nào, nay mai hệ quả gặt hái được sẽ như thế ấy. Nhằm mục tiêu đào tạo các em thành “người chủ tương lai của nước nhà, người công dân tốt, người cán bộ tốt của nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”. Bác Hồ đặt ra yêu cầu thực hiện giáo dục toàn diện đối với thiếu nhi. Vào dịp kỷ niệm lần thứ 20 Ngày thành lập

Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Người đã gửi thư cho thiếu niên, nhi đồng cả nước và căn dặn năm điều:

“Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào.

Học tập tốt, lao động tốt.

Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt.

Giữ gìn vệ sinh thật tốt.

Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm.”

Năm điều Bác dạy thiếu nhi hàm chứa những truyền thống quý báu từ bao đời nay của dân tộc ta. Đó là truyền thống yêu nước nồng nàn, kiên cường chiến đấu chống mọi kẻ thù xâm lược, ham học hỏi, cầu tiến bộ; đoàn kết, nhân ái, thương người như thể thương thân, lao động cần cù, dũng cảm, sáng tạo và mối quan hệ tin cậy chân thật trong cộng đồng... Năm điều Bác Hồ dạy thiếu nhi phản ánh những đặc trưng cơ bản của lớp người mới được hình thành trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mang tính toàn diện rõ rệt. Năm điều ấy cũng phản ánh nguyên lý giáo dục mới của Đảng ta là học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động, sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội. Tất cả các em cũng như các nhà giáo dục, các cán bộ làm công tác thiếu nhi, các bậc cha mẹ... cần luôn luôn thấm nhuần, quán triệt nội dung Năm điều Bác Hồ dạy trong mọi môi trường giáo dục, rèn luyện, để các em phấn đấu trở thành con ngoan, trò giỏi, đội viên tốt, Cháu ngoan Bác Hồ.

Cùng với Năm điều Bác dạy đó, di sản lý luận và những lời dạy, những kinh nghiệm thực tiễn về giáo dục thiếu nhi mà Bác đã để lại cho chúng ta hết sức phong phú trên nhiều bình diện. Trách nhiệm nặng nề, khó khăn của chúng ta là quán triệt, thấm nhuần và vận dụng những tư tưởng, luận điểm, lời dạy của Người sao cho đúng, sao cho hiệu quả vào cuộc sống. Bác dạy: “Trồng người phải mất trăm năm”; giáo dục thiếu nhi “phải giữ toàn vẹn cái tính vui vẻ, hoạt bát, tự nhiên, tự động, trẻ trung của chúng, chớ nên làm cho chúng hoá ra những người già sớm” và Bác luôn căn dặn chúng ta việc dạy chữ phải luôn đi đôi với việc dạy các em làm người; việc chăm sóc luôn phải đi đôi

(xem tiếp trang 4)

ĐẢNG ỦY SỞ TƯ PHÁP TỔ CHỨC LỄ TRAO TẶNG HUY HIỆU 30 NĂM TUỔI ĐẢNG CHO ĐẢNG VIÊN THUỘC ĐẢNG BỘ SỞ TƯ PHÁP

■ THÙY TRANG

Hòa trong không khí phấn khởi của toàn tỉnh hăng hái thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 132 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại (19/5/1890 - 19/5/2022). Được sự nhất trí của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, sáng ngày 19 tháng 5 năm 2022, Đảng ủy Sở Tư pháp đã long trọng tổ chức Lễ trao tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng cho đồng chí Nguyễn Thanh Sơn - Phó Giám đốc Sở Tư pháp và đồng chí Phan Bá Mỹ - Trưởng phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật, Sở Tư pháp.

Tham dự và chỉ đạo buổi Lễ có đồng chí Võ Văn Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, đồng chí Đào Chuẩn - Giám đốc Sở Tư pháp; đồng chí Nguyễn Văn Hưng - Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Sở Tư pháp, Bí thư các Chi bộ trực thuộc cùng toàn thể đảng viên Khối Văn phòng Sở.

Trong không khí trang nghiêm của buổi lễ, thay mặt Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, đồng chí Võ Văn Phúc, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy Khối cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh đã trao tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng cho đồng chí Nguyễn Thanh Sơn và đồng chí Phan Bá Mỹ. Phát biểu tại buổi Lễ, đồng chí đã tóm lược một số điểm nổi bật trong quá trình phấn đấu, rèn luyện và tu dưỡng của đồng chí Nguyễn Thanh Sơn và đồng chí Phan Bá Mỹ. Theo đồng chí,



Đồng chí Nguyễn Thanh Sơn và đồng chí Phan Bá Mỹ chụp ảnh kỷ niệm cùng các đảng viên khối Văn phòng Sở

giai đoạn năm 1989 - 1991 được đánh giá là giai đoạn lịch sử khó khăn đối với Việt Nam nói riêng và phong trào cộng sản quốc tế nói chung, do đó, những cán bộ, chiến sĩ được kết nạp đảng trong giai đoạn này thể hiện cho sự trung thành tuyệt đối và niềm tin mãnh liệt đối với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Có thể nói, huy hiệu 30 năm tuổi Đảng chính là sự ghi nhận quá trình phấn đấu, rèn luyện, đóng góp của 02 đồng chí đảng viên trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng Tổ quốc. Qua buổi lễ hôm nay, đồng chí mong muốn 02 đảng viên được trao tặng Huy hiệu Đảng sẽ luôn giữ gìn, bảo quản danh hiệu cao quý này để sử dụng trong những dịp kỷ niệm trọng đại của bản thân, cơ quan, đơn vị cũng như của đất nước; đồng thời tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất, tiên phong, gương mẫu, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vào thực hiện thắng lợi mọi nhiệm

vụ công tác Đảng bộ và của cơ quan nơi mình công tác.

Trân trọng những tình cảm của Đảng ủy Sở và đồng chí Võ Văn Phúc, đồng chí Nguyễn Thanh Sơn đã có đôi lời tâm sự gửi đến toàn thể đảng viên tham dự. Đồng chí được kết nạp vào Đảng ngày 13 tháng 12 năm 1991 và trưởng thành từ sinh viên, giáo viên. Trong suốt ba mươi năm tôi luyện, đồng chí đã kinh qua các chức vụ, đơn vị công tác từ Tỉnh đoàn, Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh và nay là Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế. Dù ở bất kỳ cương vị nào, đồng chí đều phát huy phẩm chất của người cán bộ, đảng viên, luôn nêu cao tinh thần gương mẫu, không ngừng phấn đấu, rèn luyện và là niềm tự hào của cơ quan, đơn vị.

Cùng chia sẻ tâm trạng xúc động tại buổi lễ, đồng chí Phan Bá Mỹ cũng đã gửi lời cảm

ơn chân thành đến Đảng ủy Sở, Đảng ủy Khối và tập thể Lãnh đạo Sở Tư pháp. Đối với đồng chí, thời khắc được nhận Huy hiệu Đảng chính là bước ngoặt trong quá trình từ một chiến sỹ công binh trẻ tuổi, không quản khó khăn để xung phong góp phần xây dựng Quần đảo Trường Sa, đến khi trưởng thành và công tác tại Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế. Phát huy phẩm chất bộ đội cụ Hồ, đồng chí luôn là người cán bộ mẫu mực, dành được sự tôn trọng của các đảng viên, quần chúng tại cơ quan, đơn vị.

Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng không chỉ là một danh hiệu cao quý, một phần thưởng xứng đáng dành cho người cán bộ, đảng viên kiên trung của Đảng, là sự đánh dấu quan trọng trong sự phát triển của Đảng bộ Sở Tư pháp, mà còn là tấm gương sáng để thế hệ đảng viên trẻ học tập và noi theo./.

Bác Hồ với thiếu niên, nhi đồng

(tiếp theo trang 2)

với việc bảo vệ thiếu nhi, giáo dục trong tổ chức Đội... nếu bảo vệ không tốt sẽ làm hạn chế, thậm chí xâm hại đến thành quả giáo dục. Và còn biết bao nội dung, luận điểm về giáo dục thiếu nhi của Bác mà chúng ta cần dành nhiều tâm lực, thời gian để nghiên cứu, quán triệt, vận dụng trong điều kiện mới.

Trước lúc đi xa, qua “Di chúc” thiêng liêng, Bác gửi muôn vàn tình yêu thương cho dân tộc Việt Nam, trong đó Người không quên nhắc đến thế hệ thiếu niên, nhi đồng bằng những tình cảm đặc biệt: “Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng. Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế”. Bác đã đi xa nhưng những lời căn dặn, hành động, tình cảm của Bác sẽ mãi mãi khắc sâu trong tâm trí thiếu nhi nói riêng và mỗi người dân Việt nói chung.

Ngày nay, thực hiện tư tưởng và Di chúc của Bác Hồ, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm đến thiếu niên, nhi đồng, chú trọng công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Trong đời sống xã hội, Đảng, Quốc hội, Chính phủ

đã ban hành Hiến pháp, Luật, hàng trăm văn bản để bảo vệ quyền trẻ em. Như: Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2013), đặc biệt là quyền tham gia của trẻ em đã được quy định trong Luật trẻ em 2016; Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em, Bộ luật Hình sự, Bộ Luật Tố tụng hình sự... Lòng yêu thương và những lời dạy của Bác Hồ vẫn luôn đồng hành cùng thiếu niên, nhi đồng mọi thời đại. Lời dạy “Vì lợi ích mười năm trồng cây. Vì lợi ích trăm năm trồng người” của Bác Hồ đã, đang và sẽ tiếp tục được toàn Đảng, toàn dân ta học tập, làm theo với phương châm “trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai”! Nhớ ơn Bác, toàn thể thiếu niên, nhi đồng Việt Nam nguyện cố gắng học tập, tu dưỡng và rèn luyện thật tốt, trở thành con ngoan, trò giỏi để xứng đáng với danh hiệu “cháu ngoan Bác Hồ” và sẽ mãi mãi “Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên, nhi đồng. Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu nhi Việt Nam... Hồ Chí Minh kính yêu chúng em kính yêu Bác Hồ Chí Minh trọn một đời” như lời nhạc sĩ Phong Nhã đã viết./.

MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC QUA 15 NĂM THI HÀNH LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI TẠI SỞ TƯ PHÁP

■ THIÊN AN

Trên cơ sở Chương trình, Kế hoạch của Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ, thời gian qua, Sở Tư pháp đã ban hành và tổ chức thực hiện nhiều hoạt động bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ của ngành tại địa phương qua các giai đoạn 2007 - 2010, 2011 - 2015, 2016 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó, đã đưa nội dung hoạt động bình đẳng giới vào chương trình công tác hàng năm của cơ quan để tổ chức thực hiện lồng ghép với các hoạt động chuyên môn và đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, như sau:

Với vai trò là cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, công tác quán triệt, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới được Sở Tư pháp tổ chức với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, như: Ký hợp đồng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với Báo Thừa Thiên Huế, Đài phát thanh truyền hình tỉnh để tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Bình đẳng giới; biên soạn, biên tập bài tại các ấn phẩm do Sở Tư pháp phát hành như: Bản tin Tư pháp, sách “Bạn và những điều cần biết về pháp luật”, sách “Pháp luật với công dân”, sách “Tài liệu phổ biến pháp luật cho đối tượng đặc thù nạn nhân bạo lực gia đình”, sách “Hướng dẫn nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở” cùng hàng trăm nghìn tờ gấp pháp luật có nội dung liên quan về phòng, chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới... để cấp phát cho nhân dân tại cơ sở và làm tài liệu tuyên truyền. Lồng ghép nội dung bình đẳng giới trong các đợt, buổi sinh hoạt quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, sinh hoạt “Ngày



Lãnh đạo Sở Tư pháp tặng hoa, chúc mừng công chức, viên chức, người lao động nữ nhân kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 08 - 3

pháp luật”. Thường xuyên bổ sung các đầu sách về phòng, chống bạo lực gia đình, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới cho Tủ sách pháp luật tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức tìm đọc, nghiên cứu nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới... Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý gắn với việc triển khai thực hiện đưa nội dung tuyên truyền, phổ biến Luật phòng, chống bạo lực gia đình, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới vào chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật các huyện, thị xã, thành phố, các tổ hòa giải ở cơ sở thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động đặc biệt là hòa giải các mâu thuẫn và tranh chấp giữa các thành viên trong gia đình, góp phần ngăn chặn bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới.

Thực hiện Thông tư liên tịch số 07/2011/TT-BTP ngày 31/3/2011 của Bộ Tư pháp, nhằm đảm bảo bình đẳng giới trong hoạt động

trợ giúp pháp lý, Sở Tư pháp đã phối hợp với Hội liên hiệp phụ nữ các cấp, Liên đoàn lao động tỉnh triển khai thực hiện Chương trình phối hợp liên ngành về “Thực hiện lồng ghép giới trong hoạt động trợ giúp pháp lý giai đoạn 2007 - 2009”, Kế hoạch thực hiện Đề án “Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi, dạy con tốt” tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2012-2015, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2025” và các Kế hoạch liên ngành của Sở Tư pháp và Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh về thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho phụ nữ. Qua đó, đã thực hiện trợ giúp pháp lý lưu động cho phụ nữ có con dưới 16 tuổi, tập huấn kiến thức về quyền trẻ em, nâng cao hiểu biết kiến thức pháp luật về Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Bình đẳng giới, Luật Trợ giúp pháp lý, Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em (CRC)..., xóa bỏ phân biệt đối xử về giới trong gia đình, tạo cơ hội và quyền bình đẳng cho bé trai và bé gái, hạn chế tình trạng bạo lực trong gia đình tại các xã Bình Điền, Hải Dương của thị xã Hương Trà, xã Hương Giang, thị trấn Khe Tre của huyện Nam Đông. Cấp phát hơn 120.000 nghìn tờ gấp, tờ rơi pháp luật, riêng về phòng, chống bạo lực gia đình, Bình đẳng giới hơn 40 nghìn tờ và hơn 5 nghìn tờ gấp tờ rơi tiếng dân tộc thiểu số, cấp phát miễn phí cho nhân dân, cho phụ nữ tại địa phương nhằm triển khai các văn bản pháp luật đến với nhân dân được dễ dàng và sâu rộng hơn. 15 năm qua, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thực hiện trợ giúp pháp lý cho phụ nữ 5.512 vụ việc, trong đó phụ nữ bị bạo lực gia đình: 1.918 vụ việc, trẻ em gái bị xâm hại: 732 vụ việc; phụ nữ, trẻ em gái là bị cáo vi phạm pháp luật hình sự: 635 vụ việc, phụ nữ thuộc hộ nghèo, người dân tộc: 2.227 vụ việc. Thông qua việc lồng ghép tuyên truyền, phổ biến pháp luật và trợ giúp pháp lý tại các đợt trợ giúp pháp lý lưu động đã thu hút hơn 23.563 lượt người tham gia, tư vấn 8.832 vụ việc, trong đó số lượng phụ nữ tham gia khoảng hơn 11.000 người tại các đợt trợ giúp pháp lý.

Công tác lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình được tổ chức thực hiện nghiêm túc theo quy định. Trong 15 năm qua, 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND tỉnh ban hành đều được Sở Tư pháp thẩm định, đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản theo đúng nguyên tắc của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (năm 2015), Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (năm 2020), Luật Bình đẳng giới (năm 2006) và các văn bản hướng dẫn thi hành. Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo định kỳ. Hằng năm, UBND tỉnh đều xây dựng Kế hoạch thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành với mục đích xem xét lại các văn bản đã ban hành nhằm phát hiện những nội dung chồng chéo, mâu thuẫn hoặc không còn phù hợp với pháp luật để tự mình hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Qua rà soát, có 03 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, gồm 02 Nghị quyết và 01 Quyết định. Tổ chức 15 Hội nghị tập huấn cho cán bộ làm công tác pháp chế tại các Sở, ngành, địa phương, trong đó, có lồng ghép nội dung tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới cho thành viên Ban soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới; cử thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tham dự các lớp tập huấn về công tác bình đẳng giới và công tác lồng ghép giới trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, qua đó đã nâng cao nhận thức, năng lực, kỹ năng hoạt động trong lĩnh vực này.

Công tác đảm bảo thực hiện các quy định về bình đẳng giới trong công tác tổ chức tại cơ quan trong những năm qua được Sở Tư pháp quan tâm, chú trọng đến công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, nhất là đối với cán bộ nữ. Trên cơ sở đánh giá năng lực, phẩm chất đội ngũ cán bộ, công chức của cơ

(xem tiếp trang 10)

CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

■ NGUYỄN VĂN HÓA

Biên bản vi phạm hành chính là cơ sở pháp lý quan trọng để người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Lập biên bản vi phạm hành chính là một thủ tục được thực hiện trong quy trình xử phạt vi phạm hành chính (trừ trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản theo quy định tại Điều 56 Luật Xử lý vi phạm hành chính).

Lập một biên bản vi phạm hành chính đúng với quy định pháp luật là nhiệm vụ quan trọng đối với cán bộ, công chức được phân công tham mưu thiết lập biên bản vi phạm hành chính.

Từ thực tiễn thi hành, trong bài viết này tôi xin trao đổi một số nội dung có liên quan đến lập biên bản vi phạm hành chính như sau:

1. Các trường hợp người có thẩm quyền phải lập biên bản vi phạm hành chính

Luật Xử lý vi phạm hành chính không quy định cụ thể về các vụ việc vi phạm thuộc trường hợp phải lập biên bản vi phạm hành chính mà thiết kế theo phương pháp loại trừ: Xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không thuộc trường hợp quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 56 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Căn cứ một số quy định có liên quan đến việc lập biên bản vi phạm hành chính trong Luật Xử lý vi phạm hành chính (Điều 57, Điều 58, Điều 63), Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (Điều 12) có thể xác định các trường hợp xử phạt vi phạm hành



Sở Tư pháp tham dự Hội nghị tập huấn chuyên sâu về pháp luật xử phạt vi phạm hành chính tại thành phố Đà Nẵng

chính phải lập biên bản vi phạm hành chính bao gồm:

(i) Trường hợp thứ nhất là trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hình thức phạt tiền mà mức phạt tiền trên 250.000 đồng đối với cá nhân, trên 500.000 đồng đối với tổ chức;

(ii) Trường hợp thứ hai là trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn; đình chỉ hoạt động có thời hạn; hình thức xử phạt trực xuất và biện pháp khắc phục hậu quả.

(iii) Trường hợp thứ ba là vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ.

2. Xác định chủ thể có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

Trên cơ sở quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, thì chủ thể có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, bao gồm:

- (i) Người có thẩm quyền xử phạt;
- (ii) Công chức, viên chức;
- (iii) Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu đang thi hành công vụ, nhiệm vụ;
- (iv) Người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu và những người được chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu giao nhiệm vụ lập biên bản.

Lưu ý: Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP thì các chức danh có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính được quy định cụ thể tại các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước.

3. Về nội dung của biên bản vi phạm hành chính

Biên bản vi phạm hành chính phải bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản;
- Họ và tên, chức vụ người lập biên bản;
- Thông tin về cá nhân, tổ chức vi phạm và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm;
- Mô tả cụ thể, đầy đủ vụ việc, hành vi vi phạm;
- Biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính;
- Lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm (đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền);
- Lời khai của người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại (nếu có); ý kiến của cha mẹ hoặc của người giám hộ trong trường hợp người chưa thành niên vi phạm hành chính (nếu có);
- Quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức vi phạm, cơ quan của người có thẩm quyền tiếp nhận giải trình; trường hợp cá nhân, tổ chức không yêu cầu giải trình, thì phải ghi rõ ý kiến vào biên bản;
- Thời gian, địa điểm người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm phải có mặt để giải quyết vụ việc;
- Họ và tên người nhận, thời gian nhận

biên bản trong trường hợp biên bản được giao trực tiếp.

4. Về thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính

Theo quy định hiện hành thì thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính được thực hiện như sau:

(i) Biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn *02 ngày làm việc*, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính;

(ii) Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc có phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, thì biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn *05 ngày làm việc*, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính;

(iii) Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc phải xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm và xác minh tình tiết liên quan, thì biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn *03 ngày làm việc*, kể từ ngày xác định được đối tượng vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc nhận được kết quả xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm và xác minh tình tiết liên quan;

(iv) Trường hợp vi phạm hành chính xảy ra trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa, thì người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hoặc người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu có trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn *02 ngày làm việc*, kể từ khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa về đến sân bay, bến cảng, nhà ga;

(v) Trường hợp một vụ việc có nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau, trong đó có hành vi được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc phải xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm và xác minh tình tiết liên quan, thì biên bản vi phạm hành chính được lập đối với các hành vi trong vụ việc đó trong thời hạn *03 ngày làm việc*, kể từ ngày xác định được đối tượng vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc nhận được đầy đủ kết quả xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm,

kiểm định, xét nghiệm và xác minh tình tiết liên quan.

5. Về ký biên bản vi phạm hành chính

Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký, trừ trường hợp biên bản được lập theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người phiên dịch, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại, thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều trang, thì phải ký vào từng trang biên bản;

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký, điểm chỉ vào biên bản hoặc có mặt nhưng từ chối ký, điểm chỉ vào biên bản hoặc trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính, thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến, thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.

6. Về giao biên bản vi phạm hành chính

Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản, trừ trường hợp không xác định được cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính. Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản;

Trường hợp người chưa thành niên vi phạm hành chính, thì biên bản còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó;

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi lập biên bản vi phạm hành chính hoặc có mặt nhưng từ chối nhận hoặc có căn cứ cho rằng cá nhân, tổ chức vi phạm trốn tránh không nhận biên bản, thì việc giao biên bản vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính về việc gửi quyết

định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành.

7. Một số vấn đề cần lưu ý khi lập biên bản vi phạm hành chính

Thứ nhất, biên bản vi phạm hành chính không chỉ ghi nhận sự việc mà còn xác định hành vi vi phạm hành chính, là căn cứ của việc ban hành quyết định xử phạt. Do đó, nội dung và tính chất của biên bản vi phạm hành chính khác với biên bản làm việc, biên bản kiểm tra, biên bản thanh tra hoặc các loại biên bản khác. Vì vậy, biên bản vi phạm hành chính phải được lập cụ thể, rõ ràng, thông tin, số liệu phải chính xác để người có thẩm quyền có căn cứ để xem xét ban hành quyết định xử phạt.

Thứ hai, không lập biên bản vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm hành chính bị xử phạt theo thủ tục không lập biên bản vi phạm hành chính (xử phạt tại chỗ) quy định tại Điều 56 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Thứ ba, một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị lập một biên bản và ra quyết định xử phạt một lần. Trường hợp hành vi vi phạm đã bị lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt mà cá nhân, tổ chức không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền, vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm đó, thì người có thẩm quyền phải áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính phù hợp để chấm dứt hành vi vi phạm. Khi ra quyết định xử phạt đối với hành vi đó, người có thẩm quyền xử phạt có thể áp dụng tính tiết tăng nặng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc xử phạt đối với hành vi không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền trong trường hợp nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước tương ứng có quy định và xử phạt đối với hành vi vi phạm đã lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt.

Thứ tư, trường hợp biên bản vi phạm hành chính có sai sót hoặc không thể hiện đầy đủ, chính xác các nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì phải tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật Xử lý vi phạm hành chính để làm căn cứ ra quyết định xử phạt. Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được lập thành biên bản xác minh. Biên bản xác minh

là tài liệu gắn liền với biên bản vi phạm hành chính và được lưu trong hồ sơ xử phạt.

Thứ năm, đối với hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hoặc không thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý của mình, thì người có thẩm quyền đang thi hành công vụ, nhiệm vụ phải lập biên bản làm việc để ghi nhận sự việc và chuyển ngay biên bản đến người có thẩm quyền.

Thứ sáu, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức liên quan nếu có lỗi trong việc chuyển biên bản vi phạm hành chính hoặc hồ sơ vụ vi phạm không đúng thời hạn dẫn đến quá thời hạn ra quyết định xử phạt, thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện

hành cho thấy, một biên bản vi phạm hành chính hợp pháp, theo đúng các quy định của pháp luật thì phải đảm bảo các yếu tố về chủ thể có thẩm quyền lập biên bản, hình thức, nội dung của biên bản, tính kịp thời của việc lập biên bản và một số nội dung khác liên quan. Với những trình bày, trao đổi, phân tích như đã nêu trên, tác giả hi vọng rằng sẽ giúp cho cán bộ, công chức được phân công tham mưu thiết lập biên bản vi phạm hành chính có cái nhìn khái quát hơn về lập biên bản vi phạm hành chính và mong nhận được những ý kiến đóng góp, chia sẻ từ phía các độc giả, đồng nghiệp, đặc biệt là những người trực tiếp thực hiện công tác xử phạt vi phạm hành chính quan tâm đến vấn đề này./.

MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC QUA 15 NĂM...

(tiếp theo trang 6)

quan, đã thực hiện quy hoạch đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo quản lý của Sở giai đoạn 2009 - 2015, 2015 - 2020, 2020 - 2025 và 2025 - 2030 (trong đó có 12/28 cán bộ nữ được quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý) quan tâm tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ, cán bộ nữ có phẩm chất đạo đức, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Từ năm 2008 đến nay, Sở Tư pháp đã bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 21 cán bộ lãnh đạo, quản lý của Sở, trong đó có 08 cán bộ nữ theo thẩm quyền. Đặc biệt trong năm 2018 tham mưu UBND tỉnh bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc là nữ thông qua hình thức thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý. Sở Tư pháp đã cử 89 lượt công chức, viên chức (trong đó có 45 lượt công chức, viên chức nữ) tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ như: thanh tra, lý lịch tư pháp, đấu giá tài sản, công chứng, trợ giúp pháp lý và bồi dưỡng kiến thức nhà nước chương trình chuyên viên, chuyên viên chính và cao cấp chính trị nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính, cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay. Việc bố trí, sử dụng cán bộ được thực hiện nghiêm túc, trong đó chú trọng đến bố trí công tác cho nữ công chức, viên chức

đảm bảo phù hợp về đặc tính về giới, tạo hiệu quả cao trong thực hiện nhiệm vụ được giao; bảo đảm tiêu chuẩn, phù hợp với năng lực, sở trường của từng người. Các chế độ chính sách khác đối với công chức, viên chức nữ cũng được quan tâm và thực hiện tốt như: chế độ ốm đau, thai sản; khen thưởng kịp thời các công chức, viên chức nữ có thành tích xuất sắc trong công tác chuyên môn; tổ chức tọa đàm trong các ngày lễ kỷ niệm 8/3, 20/10.

Qua 15 năm triển khai thi hành Luật Bình đẳng giới tại Sở Tư pháp đã góp phần quan trọng thúc đẩy bình đẳng giới trong các lĩnh vực, nâng cao vị thế và phát huy vai trò của phụ nữ, đảm bảo quyền con người, quyền công dân và an sinh xã hội, tư tưởng định kiến giới dần được xóa bỏ, nhận thức của công chức, viên chức đối với công tác bình đẳng giới được nâng cao, các chính sách đối với nữ được quan tâm đúng mức; tăng cường sự tham gia của công chức, viên chức nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo tương xứng với tỷ lệ và năng lực, trình độ của đội ngũ công chức, viên chức nữ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, bảo đảm sự bình đẳng giữa nam và nữ trong thụ hưởng đào tạo và bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ./.

TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT - GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI MỤC TIÊU XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

■ NGỌC TRÂM

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) đóng vai trò quan trọng trong việc đưa pháp luật vào cuộc sống, nâng cao kiến thức và hiểu biết pháp luật cho cán bộ, Nhân dân, giúp ngăn ngừa, hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật do thiếu kiến thức về pháp luật, từ đó góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Nông thôn mới, Nông thôn mới nâng cao.

Thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; ngày 8 tháng 3 năm 2022 vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành các Quyết định về Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao; xã nông thôn mới kiểu mẫu và Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp huyện giai đoạn 2021 - 2025.

Trong giai đoạn mới này, để đạt được mục tiêu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 - 2025, đòi hỏi phải có sự chung tay, phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp từ tỉnh đến cơ sở. Trong đó, PBGDPL là phương thức tác động rộng rãi, tích cực đến nhận thức, tạo sự đồng thuận, nhiệt tình ủng hộ của toàn dân tự nguyện tham gia đóng góp làm sạch môi trường, xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm



Đồng chí Phan Bá Mỹ - Trưởng phòng PBGDPL, Sở Tư pháp trình bày chuyên đề “Quy định về cấp xã đạt Chuẩn tiếp cận pháp luật” tại Hội nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ PBGDPL tại UBND huyện Nam Đông

bảo an ninh, quốc phòng của địa phương; nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức cấp xã trong thực thi công vụ; cải thiện điều kiện tiếp cận thông tin pháp luật, hòa giải ở cơ sở... Do đó, việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL) về xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao là yêu cầu vô cùng cấp thiết.

Nhằm hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đề ra trong giai đoạn mới tiếp theo, các cơ quan thành viên Hội đồng Phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật (Hội đồng) cấp tỉnh, cấp huyện cần phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác tham mưu kế hoạch tuyên truyền, PBGDPL về các tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể thuộc chức năng quản lý nhà nước của ngành mình tới cơ sở (Ngành Tư pháp chịu trách nhiệm đối với chỉ tiêu 18.4

Chuẩn tiếp cận pháp luật. Ngành Thông tin và truyền thông chịu trách nhiệm đối tiêu chí “Có điểm phục vụ bưu chính; có dịch vụ viễn thông, internet; có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn; có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành”. Ngành Lao động Thương binh và Xã hội có trách nhiệm đối với tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều. Ngành Công an có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”...); giao trách nhiệm cụ thể và gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương về triển khai tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến tất cả các cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên, Nhân dân, đảm bảo mọi đối tượng được tiếp cận thông tin về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung chương trình cũng như vai trò của tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng Nông thôn mới, Nông thôn mới nâng cao tại địa phương, cơ sở.

Xác định việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao phải xuất phát từ cơ sở, bên cạnh việc định hướng cụ thể các nội dung tuyên truyền, Hội đồng còn chú trọng đến việc xây dựng mô hình PBGDPL, nội dung phong phú, phù hợp với từng đối tượng, nhất là tại các địa bàn có đặc điểm khác biệt về kinh tế, văn hóa, xã hội, phong tục tập quán, trình độ dân trí..., tiếp tục tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, của huyện về xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức, tư tưởng và sự đồng thuận trong nhân dân, qua đó, khơi dậy và phát huy sức mạnh của nhân dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, chú trọng phân bổ ngân sách, kinh phí hoạt động phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến tiếp cận pháp luật; hỗ trợ trang bị các đầu sách, báo chí, tủ sách pháp luật cho cấp xã trong quá trình xây dựng nông thôn mới; khuyến

khích và có biện pháp thiết thực nhằm thu hút các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nói riêng và cấp xã đạt nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao nói chung; thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đánh giá, chấm điểm các tiêu chí tiếp cận pháp luật và công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Thông qua công tác tập huấn, hội nghị, hội thảo nhằm nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, ý nghĩa của việc xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật... Song song với việc thực hiện xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao cần thực hiện tốt công tác lồng ghép, tư vấn, phổ biến pháp luật cho nhân dân thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở, phát huy dân chủ ở cơ sở theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Trong quá trình này, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đóng vai trò quan trọng, cùng các đoàn thể (Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân...) tích cực phối hợp tham gia đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xây dựng Nông thôn mới, vận động tới các đoàn viên, hội viên tham gia dưới nhiều hình thức. Phối hợp với chính quyền cấp xã tổ chức những cuộc họp nhằm bàn bạc công khai, dân chủ và chuyên sâu về các vấn đề liên quan tới xây dựng nông thôn mới để mọi người dân thấy được lợi ích, tầm quan trọng của công tác này để tích cực tham gia phong trào chung tay xây dựng nông thôn mới.

Có thể thấy rằng, công tác PBGDPL trên địa bàn trong xây dựng nông thôn mới đã góp phần làm cho hệ thống chính trị ở cơ sở hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Tác động tích cực đến việc cải thiện và cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần của người dân nông thôn, xây dựng nếp sống văn minh tại cộng đồng dân cư, tạo khí thế mới, khích lệ người dân hăng hái thi đua lao động sản xuất, góp phần thúc đẩy xây dựng nông thôn mới phát triển bền vững và toàn diện./.

CẦN ĐẨY MẠNH XÃ HỘI HÓA TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG

■ NGUYỄN THỊ ĐÀO

Chủ trương xã hội hóa hoạt động công chứng đã tạo dựng nên một thị trường dịch vụ công chứng sôi động, hoạt động hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân, tổ chức, doanh nghiệp, góp phần giảm tải công việc, nguồn lực cho Nhà nước. Để tiếp tục phát huy hiệu quả của chủ trương xã hội hóa công chứng, cần tiếp tục xem xét chuyên giao nhiệm vụ về chứng thực để tổ chức hành nghề công chứng thực hiện thay cơ quan Nhà nước.



Đồng chí Đào Chuẩn - Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì điểm cầu tại tỉnh Thừa Thiên Huế Hội nghị toàn quốc tổng kết thi hành Luật Công chứng bằng hình thức trực tuyến

1. Một số vấn đề thực tiễn về công chứng, chứng thực

Theo quy định, cá nhân, tổ chức có thể lựa chọn để thực hiện tại cơ quan nhà nước hoặc tổ chức hành nghề công chứng, đó là: Chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, công chứng/chứng thực hợp đồng, giao dịch, công chứng/chứng thực di chúc, văn bản từ chối nhận di sản, văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản (trường hợp Ủy ban nhân dân xã thực hiện chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền của người sử dụng đất thì được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất. Việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến nhà ở được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà).

Quy định là vậy, nhưng pháp luật lại có sự phân biệt về giá trị pháp lý của văn bản được chứng thực và văn bản được công chứng. Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng

thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch thì hợp đồng, giao dịch được chứng thực có giá trị chứng cứ chứng minh về thời gian, địa điểm các bên đã ký kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 và Điều 5 Luật Công chứng năm 2014 thì công chứng là việc công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản (sau đây gọi là hợp đồng, giao dịch), tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi là bản dịch) mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng. Văn bản công chứng có hiệu lực kể từ ngày được công chứng viên ký và đóng dấu của tổ chức hành nghề công

chứng. Hợp đồng, giao dịch được công chứng có hiệu lực thi hành đối với các bên liên quan; trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ của mình thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng, giao dịch có thỏa thuận khác. Hợp đồng, giao dịch được công chứng có giá trị chứng cứ; những tình tiết, sự kiện trong hợp đồng, giao dịch được công chứng không phải chứng minh, trừ trường hợp bị Tòa án tuyên bố là vô hiệu.

Rõ ràng, giá trị pháp lý của hợp đồng, giao dịch được công chứng hơn hẳn hợp đồng, giao dịch được chứng thực. Văn bản được công chứng được bảo đảm về mặt nội dung, tính xác thực và chỉ có Tòa án mới có quyền xem xét, tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Văn bản chứng thực chỉ chứng minh, xác thực cho một số nội dung mà không bảo đảm về mặt nội dung văn bản.

Từ quy định trên, dẫn đến những phát sinh trên thực tiễn cho cả phía cơ quan nhà nước và cả phía người dân, tổ chức. Một số công chức nhà nước ngại thực hiện chứng thực các hợp đồng, giao dịch, văn bản liên quan đến thừa kế vì tính chất phức tạp của các văn bản này, yêu cầu trách nhiệm cao nhưng thủ tục lại đơn giản, dễ xảy ra tranh chấp nên viện lý do từ chối. Về phía người dân, tổ chức, để đảm bảo hợp đồng, giao dịch thường tìm đến tổ chức hành nghề công chứng. Thực tiễn này như “dòng chảy”, dần “đẩy” những hợp đồng, giao dịch đi về phía công chứng, thể hiện xu hướng tự nhiên trong phát triển xã hội.

2. Đẩy mạnh thêm một bước xã hội hóa

Quy định về công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch chưa phản ánh đúng bản chất của công chứng, chứng thực, chưa phù hợp với thực tiễn và tính chất của các hợp đồng, giao dịch. Bản chất của hợp đồng, giao dịch được công chứng hay chứng thực xét về góc độ pháp lý đều có giá trị như nhau nhưng chứng thực lại có thủ tục đơn giản, yêu cầu trình độ nghiệp vụ, trách nhiệm đối

với người thực hiện chứng thực cũng không cao so với công chứng viên. Sự chênh lệch về chức năng, nhiệm vụ giữa tổ chức hành nghề công chứng và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã gây lãng phí nguồn lực xã hội, chưa giảm tải được công việc hành chính cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo chủ trương của Đảng và Nhà nước về cải cách hành chính, đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 - 2016.

Để chuyên nghiệp hóa hoạt động công chứng, góp phần giảm tải công việc cho cơ quan nhà nước, cần tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa chủ trương xã hội hóa công chứng với việc chuyển giao hẳn các việc chứng thực, hợp đồng, giao dịch sang tổ chức hành nghề công chứng thực hiện trong điều kiện cơ bản đã “chín muồi” như hiện nay với sự phát triển mạnh mẽ của các tổ chức hành nghề công chứng. Chủ trương này cũng sẽ giúp phát triển mạng lưới tổ chức hành nghề công chứng rộng khắp trên các địa bàn dân cư, bên cạnh đó, nhà nước có chính sách cụ thể để hỗ trợ các tổ chức hành nghề công chứng thành lập, hoạt động tại những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội chưa phát triển.

Việc đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa sẽ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao đối với chất lượng dịch vụ công chứng, phục vụ cho công cuộc cải cách tư pháp, phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, đúng với tinh thần của Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ “chuyển giao một số công việc và dịch vụ không cần thiết phải do cơ quan nhà nước thực hiện cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận”./.

SƠ KẾT 03 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 12/CT-TTG NGÀY 25/4/2019 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ TĂNG CƯỜNG PHÒNG NGỪA, ĐẤU TRANH VỚI TỘI PHẠM VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG “TÍN DỤNG ĐEN”

■ NGỌC HIỀN

Trong 03 năm qua, tình hình hoạt động của các đối tượng cho vay lãi nặng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế không diễn biến quá phức tạp; số vụ, việc vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” không nhiều; không hình thành các băng nhóm hoạt động “tín dụng đen” có tổ chức, hoạt động mang tính chất chuyên nghiệp, liêu lĩnh; không xảy ra các vụ trọng án liên quan đến đòi nợ, đòi nợ thuê xuất phát từ “tín dụng đen”. Tình trạng các đối tượng có hành vi xâm hại đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, đe dọa, ném chất bẩn để gây áp lực đòi nợ, tình trạng đối tượng dãn, rải tờ rơi giới thiệu cho vay tiền đều giảm hẳn theo từng năm sau khi lực lượng Công an chủ công, phối hợp các ban, ngành và nhân dân tích cực ra quân triển khai các biện pháp, giải pháp phòng ngừa, đấu tranh, bóc gỡ các đường dây hoạt động “tín dụng đen”.

Tuy nhiên, xuất phát từ nhiều nguyên nhân nên hoạt động “tín dụng đen” vẫn tồn tại và hoạt động với nhiều phương thức, thủ đoạn khác nhau, tiềm ẩn nguy cơ gây mất an ninh trật tự trên địa bàn. Trong thời gian từ 15/4/2019 đến 14/4/2022, trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế phát hiện, đấu tranh, xử lý hình sự 26 vụ/ 51 đối tượng liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” (khởi tố điều tra 24 vụ/44 đối tượng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; 01 vụ/04 đối tượng về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 vụ/03 đối tượng về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”). Đồng thời, xử lý hành chính hơn 48 việc/77 đối tượng về hành vi rải, dán tờ

roi quảng cáo vay tiền gây mất mỹ quan đô thị, phạt tiền 391.250.000 đồng, kiểm tra xử phạt 01 cơ sở kinh doanh không có giấy phép kinh doanh số tiền 8.000.000 đồng. Một số chuyên án điển hình, nổi bật như:

- Ngày 25/8/2019, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế triệt phá, bắt giữ, xử lý nhóm 05 đối tượng tổ chức hoạt động cho vay với lãi suất rất cao gồm: Nguyễn Đắc Hải Anh (sinh năm 1999); Nguyễn Đức Giang (sinh năm 1998); Võ Bá Đạt (sinh năm 1996); Đàm Quang Trung (sinh năm 1999); Nguyễn Tiến Đạt (sinh năm 1998). Tất cả đều tạm trú tại: Phòng 210-CT2 chung cư Aranya, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nhóm đối tượng trên do Lê Hồng Phong (sinh năm 1998) điều hành, cầm đầu và cung cấp nguồn vốn cho vay để nhóm đối tượng trên hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Quá trình đấu tranh xác định trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 8/2019, các đối tượng trên từ Hà Nội vào Huế tạm trú và hoạt động cho vay 1.366 lượt người, với tổng số tiền cho vay là 12.444.000.000 đồng, số tiền vay từ 3 triệu đến 50 triệu đồng, lãi suất từ 121,67% đến 304,17%/năm, thu lợi bất chính số tiền là 2.496.043.319 đồng. Khi người vay chậm trả, các đối tượng sẽ điện thoại, nhắn tin nhiều lần với lời lẽ hăm dọa, buộc phải duy trì trả nợ.

- Ngày 02/01/2020, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế phá chuyên án bí số “120Đ”, đồng loạt tiến hành khám xét khẩn cấp 05 cơ sở hoạt động của Công ty Tân Tín Đạt trên địa bàn



Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên - Huế tạm giữ hình sự nhóm “tín dụng đen” cho vay với lãi suất trên 180%/năm.

(Ảnh: Công an tỉnh T.T.Huế)

Thừa Thiên Huế và trụ sở chính của Công ty ở 22 - Lê Viết Thuật, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Bắt giữ và khởi tố 07 đối tượng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” gồm: Nguyễn Duy Dương (sinh năm 1995); Nguyễn Thị Nhụy (sinh năm 1994); Hà Thị Thu Hiền (sinh năm 1986); Đỗ Hữu Phong (sinh năm 1996); Nguyễn Đức Thịnh (sinh năm 1988); Nguyễn Việt Lĩnh (sinh năm 1994); Nguyễn Văn Ngọc (sinh năm 1997).

Quá trình đấu tranh xác định trong khoảng thời gian từ 01/4/2019 đến 31/12/2019, đường dây tổ chức “tín dụng đen” núp bóng dưới hình thức hoạt động của công ty Tân Tín Đạt cho vay 1.420 lượt người, với hơn 20.460 hồ sơ vay, tổng số tiền cho vay là 21.190.365.000 đồng, lãi suất từ 109,5% đến 182,5%/năm, thu lợi bất chính số tiền là 4.669.771.632 đồng.

- Ngày 14/02/2020, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế triệt phá thành công chuyên án “120T”, bắt giữ khởi tố nhóm 04 đối tượng ngoại tỉnh hoạt động cho vay lãi nặng gồm: Nguyễn Minh Đức (sinh năm 1994); Cao Huy Tiệp (sinh năm 1992); Hoàng Mạnh Sang (sinh năm 1992) và Vũ Minh Hiếu (sinh năm 2000). Tất cả đều tạm trú tại Phòng 101, nhà trọ Bennie’s House, số 03 Nguyễn Khoa Vỹ, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh TT Huế.

Quá trình đấu tranh xác định trong khoảng thời gian từ tháng 23/10/2019 đến tháng 09/02/2020, các đối tượng cho vay với thủ tục thể chấp đơn giản (cho người vay viết giấy vay tiền, chụp ảnh người vay, số điện thoại người vay, kiểm tra thực tế nơi ở để chụp ảnh, rồi giữ giấy chứng minh nhân dân hay sổ hộ khẩu hoặc giấy phép lái xe... trước khi cho vay), trong khoảng thời gian trên các đối tượng thực hiện tổng cộng 324 hợp đồng vay cho 143 người vay, với tổng số tiền cho vay hơn 3.951.000.000 đồng, lãi suất từ 121,67% trở lên, thậm chí có những hợp đồng với lãi suất cho vay lên đến 954,62%/năm, thu lợi bất chính số tiền là 759.000.000 đồng.

Trước tình hình trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Ban Chỉ đạo 138 tỉnh, cùng cấp ủy, chính quyền các cấp tập trung tổ chức nhiều giải pháp, biện pháp để huy động sức mạnh của hệ thống chính trị và quần chúng nhân dân cùng tham gia; chỉ đạo các sở, ngành, cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh, chính quyền địa phương cấp huyện phối hợp Công an tỉnh triển khai các mặt công tác phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ; tập trung điều tra, xử lý, nhanh chóng bắt giữ các đối tượng hoạt động “tín dụng đen”, góp phần giữ ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, các đối tượng hoạt động “tín dụng đen” bằng nhiều phương thức, thủ đoạn và nhiều cách thức đối phó nhằm tiếp tục hoạt động. Số người dân có nhu cầu tìm đến các đối tượng hoạt động “tín dụng đen” để vay tiền “nóng” vẫn còn nhiều, do thủ tục đơn giản, không thế chấp. Công tác phòng ngừa, đấu tranh luôn gặp nhiều khó khăn do các đối tượng hoạt động ngày càng tinh vi, khó quản lý trên môi trường mạng, đối tượng sử dụng công nghệ cao để hoạt động, người vay tiền thường không hợp tác với cơ quan chức năng. Thời gian đến, trong bối cảnh đất nước ngày càng hội nhập sâu rộng, nhiều tác động tích cực và tiêu cực từ nền kinh tế thị trường, cùng với đó dịch bệnh Covid-19 trong 02 năm qua đã làm ảnh hưởng nặng nề đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, công ăn việc làm của một bộ phận không nhỏ người dân; tình trạng cờ bạc qua mạng, đối tượng thanh thiếu niên hư tham gia các tệ nạn xã hội xu hướng gia tăng; nhu cầu vay vốn của người dân rất cao... do đó, dự báo tình hình tội phạm nói chung và tội phạm vi phạm pháp luật liên quan đến “tín dụng đen” nói riêng vẫn tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp. Xu hướng hiện nay, để đối phó với các cơ quan chức năng, các đối tượng hoạt động “tín dụng đen” chuyển hướng lập các doanh nghiệp núp bóng, cho vay trực tuyến, vay qua ứng dụng hoặc lập các tài khoản, hội nhóm trên mạng xã hội (Zalo, Facebook)... nhằm len lỏi, tiếp cận, mời chào số lượng lớn người có nhu cầu vay tiền,... Đối tượng hoạt động “tín dụng đen” bên cạnh số đối tượng tại địa bàn thì ngày càng nhiều đối tượng ở các tỉnh đến lưu trú, móc nối để hoạt động, gây khó khăn trong quản lý. Các đối tượng hoạt động chuyên nghiệp, sử dụng các phần mềm để quản lý, theo dõi việc cho vay, thu nợ trên điện thoại di động, máy tính,... với thủ đoạn hoạt động tinh vi hơn, luôn tìm cách đối phó khi bị kiểm tra, gây ra không ít khó khăn cho cơ quan chức năng trong việc xử lý đối tượng.

Do đó, trên cơ sở kết quả 03 năm thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ, trong thời gian tới tiếp tục triển khai các nhiệm vụ trọng tâm: Cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục duy trì và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về pháp luật, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các phong trào ở cơ sở như phong trào “Toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc”, phong trào “Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa”. Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền để các cơ quan, đơn vị, khu dân cư, người dân trên địa bàn chủ động phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm nói chung và tội phạm, vi phạm pháp luật liên quan đến “tín dụng đen” nói riêng. Đồng thời, triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch của tỉnh để tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là trong giai đoạn người dân, doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của thiên tai và dịch bệnh Covid-19; Công an tỉnh chủ trì, thường xuyên tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo các sở, ngành và các địa phương phối hợp chặt chẽ trong công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”. Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch của Bộ Công an về triển khai thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Thường xuyên tham mưu Ban chỉ đạo 138 tỉnh xây dựng kế hoạch, mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, đảm bảo tình hình an ninh trật tự trên địa bàn; Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân tỉnh chỉ đạo sớm đưa ra xét xử các vụ án liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” nhằm giáo dục, răn đe đối với các đối tượng sai phạm và tuyên truyền phòng ngừa chung. Đồng thời, tham mưu kiến nghị bịt kín các sơ hở, hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến “tín dụng đen” đạt hiệu quả./.

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÓ LÀ TÀI SẢN CHUNG CỦA HAI VỢ CHỒNG TRONG THỜI KỲ HÔN NHÂN KHÔNG KHI VỢ HOẶC CHỒNG LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

■ TRÚC NHƯ

Trong thực tế, nhiều trường hợp lấy vợ/chồng là người nước ngoài. Trong quá trình chung sống, việc xác lập tài sản chung của vợ chồng khi một bên là người nước ngoài, nhất là liên quan đến tài sản có giá trị lớn như quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở thì nhiều người chưa nắm bắt. Bài viết phân tích, giới thiệu các quy định pháp luật liên quan đến người nước ngoài trong các trường hợp trên để xác định việc khi một bên vợ/chồng là người nước ngoài thì người này có quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung hay không?

1. Tài sản chung của vợ chồng

Theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này¹; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung. Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng. Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu

chung hợp nhất, được dùng để bảo đảm nhu cầu của gia đình, thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung.

Về đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản chung (Điều 34 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014): Trong trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng phải ghi tên cả hai vợ chồng, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Trong trường hợp giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng tài sản chỉ ghi tên một bên vợ hoặc chồng thì giao dịch liên quan đến tài sản này được thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Luật này; nếu có tranh chấp về tài sản đó thì được giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật này (Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung).

Bên cạnh quy định chung như trên, tại khoản Điều 121 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài quy định: Trong quan hệ hôn nhân và gia đình với công dân Việt Nam, người nước ngoài tại Việt Nam có các quyền, nghĩa vụ như công dân Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định khác.

Như vậy, việc xác định tài sản chung của vợ chồng trong quan hệ hôn nhân khi một bên vợ/chồng là người nước ngoài về cơ bản theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy

1. Khoản 1 Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định hậu quả của việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: 1. Trong trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng thì phần tài sản được chia, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của mỗi bên sau khi chia tài sản chung là tài sản riêng của vợ, chồng, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Phần tài sản còn lại không chia vẫn là tài sản chung của vợ chồng.

nhiên, đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở thì còn phải theo quy định pháp luật về đất đai và nhà ở.

2. Người nước ngoài không có quyền sử dụng đất tại Việt Nam

Theo quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 2013: Người nước ngoài không phải là đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất.

Điều 186 Luật Đất đai năm 2013 quy định người nước ngoài nếu nhận thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì người nhận thừa kế không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng được chuyển nhượng hoặc được tặng cho quyền sử dụng đất thừa kế như sau: Trong trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì người nhận thừa kế được đứng tên là bên chuyển nhượng trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Trong trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất thì người được tặng cho phải là các đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 179 của Luật Đất đai (gồm: Nhà nước; cộng đồng dân cư để xây dựng các công trình phục vụ lợi ích chung của cộng đồng; tặng cho nhà tình nghĩa gắn liền với đất theo quy định của pháp luật; hộ gia đình, cá nhân hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng có quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở) và phù hợp với quy định của pháp luật về nhà ở, trong đó người nhận thừa kế được đứng tên là bên tặng cho trong hợp đồng hoặc văn bản cam kết tặng cho. Trong trường hợp chưa chuyển nhượng hoặc chưa tặng cho quyền sử dụng đất thì người nhận thừa kế hoặc người đại diện có văn bản ủy quyền theo quy định nộp hồ sơ về việc nhận thừa kế tại cơ quan đăng ký đất đai để cập nhật vào Sổ địa chính; người nhận thừa kế được ủy quyền bằng văn bản cho người trông nom hoặc tạm sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Quyền sở hữu nhà ở của người nước

ngoài (quyền này hạn chế và có điều kiện)

Theo Điều 159, 160 Luật Nhà ở năm 2014, đối tượng tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam bao gồm: (i) Tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư xây dựng nhà ở theo dự án tại Việt Nam theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan. Trường hợp này phải có Giấy chứng nhận đầu tư và có nhà ở được xây dựng trong dự án theo quy định; (ii) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài, quỹ đầu tư nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam (sau đây gọi chung là tổ chức nước ngoài). Trường hợp này phải có Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ liên quan đến việc được phép hoạt động tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận đầu tư) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp; (iii) Cá nhân nước ngoài được phép nhập cảnh vào Việt Nam. Trường hợp này phải được phép nhập cảnh vào Việt Nam và không thuộc diện được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, lãnh sự theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam thông qua các hình thức sau đây: (i) Đầu tư xây dựng nhà ở theo dự án tại Việt Nam theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan; (ii) Mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế nhà ở thương mại (bao gồm căn hộ chung cư và nhà ở riêng lẻ) trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở, trừ khu vực bảo đảm quốc phòng, an ninh theo quy định của Chính phủ. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm xác định cụ thể các khu vực cần bảo đảm an ninh, quốc phòng tại từng địa phương và có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để làm căn cứ chỉ đạo Sở Xây dựng xác định cụ thể danh mục dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại trên địa bàn cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài được quyền sở hữu nhà ở (Khoản 2 Điều 75 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi bởi Khoản 22 Điều 1 Nghị định 30/2021/NĐ-CP)

Giấy tờ chứng minh đối tượng được sở

hữu nhà ở được quy định tại Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. Theo đó, Đối với cá nhân nước ngoài thì phải có hộ chiếu còn giá trị có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh Việt Nam và không thuộc diện được quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao theo quy định của Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự và cơ quan Đại diện của Tổ chức quốc tế tại Việt Nam (khoản 1 Điều 74). Trường hợp cá nhân nước ngoài có giấy tờ xác nhận là gốc Việt Nam thì chỉ được quyền lựa chọn một đối tượng áp dụng là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc cá nhân nước ngoài để xác định quyền sở hữu nhà ở tại Việt Nam (khoản 3 Điều 5).

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài, quỹ đầu tư nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài được phép nhập cảnh vào Việt Nam có các quyền của chủ sở hữu nhà ở như công dân Việt Nam nhưng phải tuân thủ các quy định: (i) Chỉ được mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế và sở hữu không quá 30% số lượng căn hộ trong một tòa nhà chung cư; nếu là nhà ở riêng lẻ bao gồm nhà biệt thự, nhà ở liền kề thì trên một khu vực có số dân tương đương một đơn vị hành chính cấp phường chỉ được mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế và sở hữu không quá hai trăm năm mươi căn nhà. Trường hợp trong một khu vực có số dân tương đương một đơn vị hành chính cấp phường mà có nhiều nhà chung cư hoặc đối với nhà ở riêng lẻ trên một tuyến phố thì Chính phủ quy định cụ thể số lượng căn hộ, số lượng nhà ở riêng lẻ mà tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế và sở hữu; (ii) trường hợp được tặng cho, được thừa kế nhà ở không thuộc diện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 159 của Luật này hoặc vượt quá số lượng nhà ở quy định tại điểm (i) khoản này thì chỉ được hưởng giá trị của nhà ở đó; (iii) Đối với cá nhân nước

ngoài thì được sở hữu nhà ở theo thỏa thuận trong các giao dịch hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho nhận thừa kế nhà ở nhưng tối đa không quá 50 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận và có thể được gia hạn thêm theo quy định của Chính phủ nếu có nhu cầu; thời hạn sở hữu nhà ở phải được ghi rõ trong Giấy chứng nhận. Trường hợp cá nhân nước ngoài kết hôn với công dân Việt Nam hoặc kết hôn với người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì được sở hữu nhà ở ổn định, lâu dài và có các quyền của chủ sở hữu nhà ở như công dân Việt Nam; (iv) Trước khi hết hạn sở hữu nhà ở theo quy định, chủ sở hữu có thể tặng cho hoặc bán nhà ở này cho các đối tượng thuộc diện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam; nếu quá thời hạn được sở hữu nhà ở mà chủ sở hữu không thực hiện bán, tặng cho thì nhà ở đó thuộc sở hữu nhà nước.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài nêu trên có các nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà ở như công dân Việt Nam nhưng phải tuân thủ các quy định sau đây: (i) Đối với chủ sở hữu là cá nhân nước ngoài thì được cho thuê nhà ở để sử dụng vào các mục đích mà pháp luật không cấm nhưng trước khi cho thuê nhà ở, chủ sở hữu phải có văn bản thông báo về việc cho thuê nhà ở với cơ quan quản lý nhà ở cấp huyện nơi có nhà ở theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và phải nộp thuế từ hoạt động cho thuê nhà ở này theo quy định của pháp luật. Trường hợp cá nhân nước ngoài kết hôn với công dân Việt Nam hoặc kết hôn với người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì có các nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà ở như công dân Việt Nam; (ii) Thực hiện thanh toán tiền mua, thuê mua nhà ở thông qua tổ chức tín dụng đang hoạt động tại Việt Nam.

Theo các quy định trên thì người nước ngoài không có quyền sử dụng đất tại Việt Nam; có quyền sở hữu nhà ở trong phạm vi giới hạn và bảo đảm các điều kiện theo quy định. Do đó, khi xác định tài sản chung của vợ chồng trong trường hợp có vợ/chồng là người nước ngoài thì cần bảo đảm theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, đồng thời các quy định pháp luật có liên quan như trên.

HỘI THẢO NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ: “ĐƯA HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ THỰC SỰ TRỞ THÀNH MỘT PHẦN CỦA ĐỜI SỐNG”

■ THÙY TRANG

Nhằm nâng cao năng lực của đội ngũ hòa giải viên cũng như hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh; sau một năm gián đoạn do dịch bệnh Covid-19, sáng ngày 03 tháng 6 năm 2022, Sở Tư pháp đã tổ chức Hội thảo nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở năm 2022. Hội thảo do đồng chí Nguyễn Văn Hưng - Phó Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì cùng sự tham gia của các đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ - Hội Nông dân - Hội Cựu chiến binh tỉnh, đại diện Lãnh đạo Phòng Tư pháp cấp huyện cùng công chức Tư pháp - hộ tịch, hòa giải viên một số xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã, thành phố Huế.

Năm 2021, ngành Tư pháp đã gặp nhiều khó khăn do sự bùng phát của đại dịch Covid-19. Trong bối cảnh đó, để đảm bảo hiệu quả, chất lượng của công tác hòa giải ở cơ sở, Sở Tư pháp và các địa phương đã chủ động thay đổi phương pháp nhằm thích ứng tình hình mới và đảm bảo mục tiêu hoàn thành các nhiệm vụ đề ra. Để Hội thảo nắm được toàn cảnh tình hình thực tế và kết quả nổi bật của công tác hòa giải ở cơ sở, đồng chí Nguyễn Văn Hưng - Phó Giám đốc Sở Tư pháp đã tóm lược tình hình thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở



Đồng chí Nguyễn Văn Hưng - Phó Giám đốc Sở chủ trì Hội thảo nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở năm 2022

năm 2021 và một số nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong công tác hòa giải trong tình hình mới hiện nay.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã được lắng nghe tham luận đến từ các cơ quan, địa phương, cán bộ, công chức phụ trách quản lý nhà nước về công tác hòa giải. Hầu hết các tham luận đều đã phản ánh sâu sát thực tiễn hòa giải ở cơ sở, những tồn tại và trở ngại trong việc đề ra biện pháp để nâng cao chất lượng hoà giải. Tại phần trình bày của mình, đại diện Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh đã mạnh dạn đề xuất mô hình hòa giải trực tuyến, đây là một ý tưởng khá mới lạ, cần được xem xét, phát triển trong bối cảnh công nghệ thông tin và chuyển đổi số đang ngày được phát triển mạnh mẽ như hiện nay. Với tham luận đến từ Phòng Tư pháp huyện A Lưới, Hội thảo đánh giá cao những nỗ lực và sự quan tâm

của chính quyền địa phương trong công tác tư pháp nói chung và công tác hòa giải nói riêng. Dù là một huyện vùng núi với nhiều khó khăn từ điều kiện tự nhiên và con người nhưng các cán bộ, công chức ngành Tư pháp của huyện vẫn phát huy trách nhiệm, góp phần ổn định cuộc sống của Nhân dân. Cũng trong phần này, với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước, đại diện Sở Tư pháp cũng đã đưa ra một khó khăn, tồn tại lớn nhất hiện nay trong công tác hoà giải ở cơ sở đó là vấn đề về kinh phí để hỗ trợ cho tổ hòa giải và chi thù lao hòa giải viên, đây được xem là yếu tố quan trọng góp phần duy trì hiệu quả của nhiệm vụ hòa giải.

Đặc biệt, tại Hội thảo, các hòa giải viên đã có dịp được chia sẻ câu chuyện hòa giải có thật của bản thân đến với các đại biểu. Là những người trực tiếp tham gia thực hiện công tác hòa giải tại cơ sở, nhiều vụ, việc hòa giải đã để lại ấn tượng sâu sắc, khó quên đối với các hòa giải viên. Với vai trò là người hòa giải, các đồng chí không chỉ tích cực phát huy trách nhiệm của mình, mà còn cũng đưa ra những cách làm hay như biện pháp “tự hòa giải trong họ tộc” (huyện Phú Vang) hay sự phân định rõ ràng những mô hình hòa giải để có cách giải quyết phù hợp (huyện Phú Lộc). Qua hai câu chuyện mà hoà giải viên đã chia sẻ, các đại biểu tại Hội thảo có thêm những góc nhìn mới về công tác này, hiểu hơn về tâm tư, áp lực và nỗi khó khăn, vất vả của các hòa giải viên.

Cũng tại Hội thảo, các đại biểu đã có phần thảo luận khá sôi nổi, nhiều đề xuất mang tính chất xây dựng, tâm huyết đã được nêu ra bàn luận như: sưu tầm, thẩm định và phát hành tuyển tập những câu chuyện hòa giải có thật ở cơ sở để làm tài liệu hướng dẫn, tuyên truyền, qua đó không chỉ làm phong phú thêm tủ sách pháp luật mà còn là nguồn tư liệu giá trị trong nghiên cứu, áp dụng vào thực tiễn (Hội Nông dân tỉnh); đề xuất về xây dựng một đội ngũ hòa giải

viên theo hướng chuyên nghiệp, tinh gọn về lượng, đảm bảo về chất nhằm hạn chế tình trạng xử lý vụ việc theo hướng cảm tính, không theo quy định pháp luật, dẫn tới tranh chấp, mâu thuẫn không được giải quyết triệt để (Phòng Tư pháp thành phố Huế); đề xuất xem xét, bổ sung, hoàn thiện một số chế định về quyền lợi của hòa giải viên, nghĩa vụ và trách nhiệm của các cơ quan, đoàn thể, chính quyền địa phương trong việc phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện để nâng cao vị trí, vai trò của công tác hòa giải trong cuộc sống (Phòng Tư pháp huyện Quảng Điền)...

Sau khi lắng nghe những ý kiến thảo luận, đồng chí Nguyễn Văn Hưng - Phó Giám đốc Sở Tư pháp đã có một số trao đổi trở lại cùng các đại biểu. Đồng chí hết sức hoan nghênh và ghi nhận những đóng góp tâm huyết của các đại biểu, đặc biệt là những sáng kiến nhằm nâng cao chất lượng hòa giải ở cơ sở. Bên cạnh đó, đồng chí cũng bày tỏ sự đồng cảm và chia sẻ với những khó khăn, áp lực của các hòa giải viên, đặc biệt là công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã trong thời điểm khối lượng công việc của Ngành Tư pháp ngày càng lớn. Đồng chí đề nghị các cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị, nhất là Phòng Tư pháp cấp huyện cần quan tâm, phối hợp và phát huy hơn nữa những kết quả đã đạt được, đồng thời trong thời gian tới cần có phương hướng để khắc phục những tồn tại, vướng mắc như tại Hội thảo đã đặt ra.

Nhìn chung, Hội thảo nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở năm 2022 đã diễn ra thành công tốt đẹp. Hi vọng rằng trong thời gian tiếp theo, công tác hòa giải ở cơ sở sẽ tiếp tục gặt hái được nhiều kết quả đáng ghi nhận, thực sự đưa hòa giải ở cơ sở trở thành một biện pháp, một công cụ quản lý nhà nước đắc lực, hiệu quả, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế./.

T.T

HIỆU QUẢ TỪ CÔNG TÁC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ LƯU ĐỘNG

■ BẢ QUÁT

Trợ giúp pháp lý (TGPL) là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, là một lĩnh vực hoạt động mang tính nhân đạo và nhân văn sâu sắc, đây không chỉ là công cụ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đối tượng yếu thế, đối tượng đặc thù trong xã hội, mà còn góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trong đó, hình thức TGPL lưu động chính là hình thức đưa pháp luật đến với người dân tại cơ sở, là một trong những phương thức dân vận góp phần giữ gìn đoàn kết trong cộng đồng dân cư, tạo niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chính quyền.

Ngày 01 tháng 6 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015 – 2025. Theo đó, nội dung Đề án gồm nhiều khía cạnh từ tổ chức đến hoạt động TGPL và lấy người được TGPL làm trung tâm để hướng đến bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Trên cơ sở Đề án, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế (Trung tâm) đã triển khai nhiều hoạt động trên thực tế như: ban hành chỉ tiêu vụ việc tham gia tố tụng cho trợ giúp viên pháp lý hàng năm; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác TGPL; tăng cường công tác truyền thông, phổ biến pháp luật về TGPL...

Trong các hình thức truyền thông, hình thức TGPL lưu động được xem là phương thức thiết thực để đưa pháp luật về cơ sở, tiếp cận

trực tiếp đến người dân, có sự tương tác giữa cán bộ, công chức, viên chức với các đối tượng được TGPL. Nội dung trọng tâm của công tác TGPL lưu động là tuyên truyền, tư vấn, hướng dẫn, giải đáp các tình huống, vướng mắc cụ thể về pháp luật do người dân yêu cầu.

Trong các đợt TGPL lưu động, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm đã thực hiện tuyên truyền đến người dân các quy định quan trọng của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 như: người được TGPL, quyền và nghĩa vụ của người được TGPL; tổ chức thực hiện TGPL; người thực hiện TGPL, quyền và nghĩa vụ của người thực hiện TGPL. Bên cạnh đó, Trung tâm còn chú trọng lồng ghép giới thiệu đến người dân nội dung các văn bản pháp luật thông qua hoạt động cấp phát tờ gấp pháp luật các loại như: Luật Trợ giúp pháp lý 2017; Luật Bình đẳng giới; Luật phòng, chống bạo lực gia đình; Luật Hôn nhân và gia đình; pháp Luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; chế độ chính sách cho người được trợ giúp pháp lý và nhân dân tại địa phương.... Một nội dung quan trọng trong các đợt TGPL lưu động đó là Trung tâm thực hiện tư vấn, hướng dẫn, giải đáp các tình huống, vướng mắc cụ thể về pháp luật do người dân yêu cầu một cách chu đáo, nhiệt tình, đảm bảo đúng pháp luật.

Hoạt động truyền thông về TGPL đã đạt được những kết quả nhất định. Trong 02 năm 2020 và 2021, tuy tình hình Covid – 19 diễn biến phức tạp, khó lường, hoạt động TGPL lưu động đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Năm 2020, Trung tâm và đã tổ chức thực hiện truyền thông trợ giúp pháp lý tại 45 thôn, xã,



Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tổ chức truyền thông về trợ giúp pháp lý tại UBND huyện A Lưới

phường, thị trấn thuộc các huyện A Lưới, Nam Đông, Phú Lộc, Phú Vang, Phong Điền, Quảng Điền, thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy và thành phố Huế. Tại mỗi địa điểm truyền thông, đã giới thiệu tuyên truyền, phổ biến chuyên đề pháp luật về TGPL cho 1.483 lượt người tham gia và cấp phát miễn phí 9.665 tờ rơi, tờ gấp pháp luật cho người dân. Ngoài ra thông qua các đợt truyền thông về TGPL, Trung tâm cũng đã lồng ghép tư vấn, hướng dẫn, giải đáp pháp luật hơn 110 trường hợp tại các đợt trợ giúp pháp lý ở cơ sở. Năm 2021, Trung tâm đã tổ chức thực hiện truyền thông trợ giúp pháp lý tại 35 thôn, xã, phường, thị trấn thuộc các huyện: A Lưới, Nam Đông, Phú Lộc, Quảng Điền; thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy và thành phố Huế. Tại các địa điểm truyền thông, đã giới thiệu tuyên truyền, phổ biến chuyên đề pháp luật về TGPL cho 928 lượt người tham gia và cấp phát miễn phí khoảng 17.000 tờ rơi, tờ gấp pháp luật cho người dân. Ngoài ra, thông qua các đợt truyền thông trên, Trung tâm đã lồng ghép tư vấn, hướng dẫn và giải đáp pháp luật hơn 97 trường hợp. Năm 2022,

tình hình dịch Covid đã tạm thời được kiểm soát, Trung tâm đã tăng cường tổ chức các đợt truyền thông về TGPL. Trong 05 tháng đầu năm 2022, Trung tâm đã tổ chức được 3 đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý tại 26 thôn tại hai huyện Nam Đông và A Lưới, thu hút 1.005 lượt người tham dự, đã lồng ghép việc truyền truyền, phổ biến pháp luật thông qua việc tư vấn, hướng dẫn pháp luật trực tiếp tại chỗ được 126 vụ việc, thực hiện cấp phát 25.300 tờ gấp pháp luật các loại.

Từ những kết quả đạt được, TGPL lưu động đã thực sự trở thành một số hoạt động bổ ích, thiết thực, đưa chính sách mà Đảng và Nhà nước về gần hơn với cuộc sống của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận với hoạt động TGPL, giúp người dân biết được quyền và lợi ích của mình khi có vấn đề pháp lý xảy ra, hướng đến đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được TGPL là các đối tượng thuộc diện chính sách.

Hoạt động truyền thông về TGPL đã góp phần trang bị cho người tham dự những nội dung cơ bản của pháp luật để từ đó nhằm

nâng cao hiểu biết, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật cho người dân để có hành vi ứng xử phù hợp trong cuộc sống hằng ngày, tránh những việc khiếu kiện, khiếu nại không đáng có. Đồng thời cán bộ cũng nắm bắt được hoàn cảnh, tâm tư của bà con, từ đó động viên, khuyến khích bà con chung tay đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương; phòng, chống nhiều loại tội phạm mới xuất hiện trên địa bàn.

Cùng với sự tăng cường hoạt động TGPL lưu động, kết quả thực hiện vụ việc TGPL của Trung tâm qua các năm không ngừng tăng lên. Năm 2020, tổng số vụ việc Trung tâm thụ lý và thực hiện là 289 vụ việc, số vụ việc thực hiện trong năm 2020 tăng 64% (tăng 113 vụ việc) so với năm 2019. Năm 2021, tổng số vụ việc Trung tâm thụ lý và thực hiện là 470 vụ việc, số vụ việc thực hiện trong năm 2021 tăng 62,63% (tăng 181 vụ việc) so với năm 2020. Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 20/5/2022, Trung tâm đã thụ lý và thực hiện trợ giúp pháp

lý 315 vụ việc, chỉ trong chưa đầy 05 tháng đầu năm 2022, số vụ việc thực hiện đã đạt 67% so với năm 2021.

Hoạt động truyền thông về TGPL đã đóng góp vào thành quả chung của hoạt động TGPL ở tỉnh đang trên đà mở rộng và phát triển theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại, góp phần đưa chủ trương xóa đói, giảm nghèo, đền ơn, đáp nghĩa, bảo đảm công bằng xã hội của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống; giúp cơ quan nhà nước giải quyết các vụ việc một cách chính xác, khách quan, công bằng và đúng pháp luật; góp phần giải tỏa những vướng mắc pháp luật của nhân dân, tạo niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước; góp phần ổn định chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; tạo lập cơ chế thực hiện nguyên tắc Hiến định: Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, bảo đảm công bằng xã hội; góp phần giữ vững và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân./.

Lời nhắn nhủ yêu thương

■ QUANG VINH

Con mưa rào bắt chợt bỗng xóa tan bầu không khí oi bức của mùa hè. Trời tháng 6 thường nắng nóng như lửa đốt nhưng năm nay sao nó lại “đồng đánh” như o con gái mới lớn, cứ chợt nắng, rồi chợt mưa không biết sao mà lần. Trong cái nắng hanh hao mẹ đem lúa ra phơi, rồi lại tắt bật, “í, ời” con cháu giúp mẹ một tay mang vào kéo không kịp khi mưa rào kéo đến.

Không khí nhà chị Bông lúc nào cũng vậy, rộn ràng, vui vẻ và đầy ắp tiếng cười. Giữa làng quê yên bình, nhà chị Bông cuộc sống cũng không phải là khá giả nhưng các con của chị luôn ngoan ngoãn, hiền lành và đùm bọc nhau lớn lên trong tình thương yêu của mẹ. Cuộc đời của chị Bông vất vả, bươn chải nuôi con sau khi chồng chị qua đời trong vụ tai nạn giao thông. Lúc đó hai đứa con chị đang còn nhỏ, đứa lớn học cấp 2, đứa nhỏ học cấp 1. Chị tưởng chừng như không thể vượt qua được trong sự đau đớn tột cùng khi người chồng bỏ chị và 2 đứa con thơ dại ra đi. Nhưng sức mạnh của người mẹ, tình thương yêu của người mẹ dành cho con đã giúp chị có dũng khí để vượt qua và nuôi con khôn lớn đến ngày hôm nay. Giờ đứa con trai đầu đã có vợ, một cháu trai 03 tuổi và làm việc tại công ty dệt may, con gái nhỏ sau đang theo học Luật sư. Hai đứa con dành cho chị tình thương yêu vô bờ bến như muốn bù đắp thêm tình yêu của chồng chị dành cho chị.

Một buổi sáng em gái dậy đi học, thấy anh trai đang ngồi trước sân, vẻ mặt nhìn băng quơ thấy buồn buồn. Em gái bước đến ngồi cạnh anh trai và hỏi thăm. Hai anh em từ nhỏ đến lớn thường xuyên chăm sóc, tâm sự với nhau, bởi mẹ vất vả làm lụng kiếm tiền để hai anh em ăn học, nên hai anh em luôn hiếu và ít khi làm phiền đến mẹ, giúp đỡ mẹ mọi việc vặt trong gia đình, từ nấu ăn, dọn dẹp, phụ mẹ thêm việc đồng áng, mọi việc đều chu toàn.

Em gái hỏi anh trai có chuyện gì mà sao trông anh buồn, sáng nay anh không đi làm vậy. Anh trai sợ mẹ nghe thêm lo nên nói em gái nói nhỏ thôi. Cũng may là mẹ đã ra đồng đi làm từ lúc sáng sớm.

Hỏi ra mới biết là anh trai có một số chuyện ở công ty, anh đã tranh cãi với người lãnh đạo công ty về vấn đề làm thêm giờ đối với người lao động. Số giờ làm thêm của người lao động quá nhiều, tăng ca nhiều quá khiến anh mệt mỏi và sức khỏe cũng suy giảm, anh nhiều lần nói chuyện với người quản lý nhưng không được chấp nhận. Em gái nhỏ nhẹ động viên anh, cứ bình tĩnh mọi điều sẽ được giải quyết ổn thỏa, anh đừng quá lo nghĩ. Anh muốn hỏi gì, nếu em biết em sẽ tư vấn cho anh miễn phí. Hai anh em nhìn nhau cười, anh trai cảm thấy em gái bữa nay trông chừng chạc và tự tin hơn hẳn, đặc biệt càng lớn lại càng xinh xắn, đáng yêu. Em giải thích cho anh trai hiểu được khái niệm của thời gian làm thêm giờ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Bộ luật Lao động năm 2019: “Thời gian làm thêm giờ là khoảng thời gian làm việc ngoài thời giờ làm việc bình thường theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể hoặc nội quy lao động”.

Anh còn hỏi thêm quy định về số giờ làm thêm của người lao động, anh được em gái giải thích cặn kẽ. Điểm b khoản 2 Điều 107 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày; trường hợp áp dụng quy định thời giờ làm việc bình thường theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; không quá 40 giờ trong 01 tháng”.

Theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện

lao động và quan hệ lao động quy định: Tổng số giờ làm thêm không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày khi làm thêm vào ngày làm việc bình thường, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 60 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

Trường hợp áp dụng quy định thời giờ làm việc bình thường theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày.

Trường hợp làm việc không trọn thời gian quy định tại Điều 32 của Bộ luật Lao động thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày.

Tổng số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong một ngày, khi làm thêm vào ngày nghỉ lễ, tết và ngày nghỉ hằng tuần.

Thời giờ quy định tại các khoản 1 Điều 58 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP được giảm trừ khi tính tổng số giờ làm thêm trong tháng, trong năm để xác định việc tuân thủ quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 107 của Bộ luật Lao động.

Anh trai vui mừng khi em gái là một người hiểu biết về pháp luật, anh lấy làm tự hào và luôn nhắc nhở em càng phải cố gắng để mẹ hạnh phúc, để sau này em có công việc ổn định có thể nuôi sống bản thân.

Anh còn muốn hỏi thêm về vấn đề tiền lương làm thêm giờ công ty sẽ trả như thế nào. Em gái không ngại ngần gì nói thêm để anh hiểu. Điều 98 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, cụ thể như sau:

“1. Người lao động làm thêm giờ được trả lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương thực trả theo công việc đang làm như sau:

a) Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%;

b) Vào ngày nghỉ hằng tuần, ít nhất bằng 200%;

c) Vào ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương, ít nhất bằng 300% chưa kể tiền lương ngày lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương đối với người lao động hưởng lương ngày.

2. Người lao động làm việc vào ban đêm thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương thực trả theo công việc của ngày làm việc bình thường.

3. Người lao động làm thêm giờ vào ban đêm thì ngoài việc trả lương theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người lao động còn được trả thêm 20% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc làm vào ban ngày của ngày làm việc bình thường hoặc của ngày nghỉ hằng tuần hoặc của ngày nghỉ lễ, tết.”

Và quy định hướng dẫn cách tính tiền lương làm thêm giờ được quy định cụ thể tại Điều 55, 56, 57 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP, em gái nói nếu anh trai cần thì em sẽ nghiên cứu để hướng dẫn thêm cho anh.

Anh trai hiểu hơn quy định của pháp luật về làm thêm giờ, anh có thể bảo vệ mình nếu công ty vi phạm pháp luật. Anh thấy tự tin khi nói với người quản lý đảm bảo các quyền lợi của người lao động.

Anh cảm ơn em gái đã tư vấn cho anh, mọi điều có thể giải quyết được ổn thỏa. Em gái nói cho anh nghe về ước mơ của em, một ước mơ vô cùng đẹp đẽ. Em muốn trở thành một Luật sư giỏi để có thể bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp cho mọi người, có thể giúp được nhiều người, đặc biệt là những người nghèo khổ, những người yếu thế trong xã hội, không may vướng vào vòng lao lý, giúp họ được “bình đẳng trước pháp luật”, bảo vệ tốt nhất quyền lợi cho thân chủ của mình. Anh cầm tay em gái, cái cầm tay chứa đựng sự yêu thương, niềm tin, động lực dành cho em gái. Anh tin rằng em sẽ sớm thực hiện được ước mơ của mình. Anh muốn nhắn nhủ rằng “em hãy mơ ước bất cứ điều gì em muốn bởi đó là vẻ đẹp của trí tuệ con người. Hãy làm bất kỳ điều gì em thích, đó là sức mạnh của ý chí con người. Hãy tin tưởng vào bản thân để thử thách những giới hạn của mình bởi đó chính là lòng can đảm để thành công”.

Q.V

TỌA ĐÀM LẤY Ý KIẾN DỰ THẢO THÔNG TƯ THAY THẾ THÔNG TƯ SỐ 04/2015/TT-BTP HƯỚNG DẪN TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

■ HỒNG HÀ

Ngày 16-17 tháng 5 năm 2022, tại thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Bộ Tư pháp tổ chức Tọa đàm lấy ý kiến về dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng. Tham dự Tọa đàm có hơn 100 đại biểu là lãnh đạo, công chức quản lý công tác hỗ trợ tư pháp thuộc Sở Tư pháp, công chứng viên của 18 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ tỉnh Nghệ An đến tỉnh Bình Thuận. Tọa đàm do đồng chí Đoàn Văn Hương - Phó Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp chủ trì.

Theo Báo cáo của Cục Hỗ trợ tư pháp - Bộ Tư pháp, sau hơn 06 năm triển khai thi hành Thông tư số 04/2015/TT-BTP, việc tập sự hành nghề công chứng đã đạt được nhiều kết quả tích cực thể hiện qua số lượng người đăng ký tập sự hành nghề công chứng ngày càng tăng, chất lượng tập sự được nâng cao và công tác quản lý nhà nước về tập sự cũng đi vào nề nếp...

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc tập sự hành nghề công chứng trong thời gian qua cũng còn một số điểm bất cập, hạn chế, mà chủ yếu là do quy định của Thông tư số 04/2015/TT-BTP còn những điểm chưa phù hợp: Một số quy định về người không được đăng ký tập sự và thời gian tập sự chưa chặt chẽ dẫn đến tình trạng ghi danh nhưng không tập sự trên thực tế; quy định về cách thức, thẩm quyền, trách nhiệm đánh giá việc hoàn thành tập sự chưa rõ ràng, trách nhiệm từ chối hướng dẫn tập sự chưa cụ thể... dẫn đến một số vướng mắc trong quá trình thực hiện. Đối với việc kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng thì quy định về nội dung, hình thức, thời



Đồng chí Đoàn Văn Hương - Phó Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp phát biểu chỉ đạo tại buổi Tọa đàm

gian tổ chức kiểm tra; điều kiện tham dự kiểm tra, quyền và nghĩa vụ của người đăng ký tham dự kiểm tra... cũng có những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung để vừa bảo đảm sự chặt chẽ, nghiêm túc của việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự, vừa tạo điều kiện tốt nhất cho người tập sự trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Một số mẫu giấy tờ quy định trong Thông tư còn bất cập, chưa phù hợp với thực tế tập sự hành nghề công chứng.

Để khắc phục những bất cập, hạn chế nêu trên, bảo đảm việc thực hiện nghiêm quy định của pháp luật liên quan đến tập sự hành nghề công chứng; đồng thời vừa đảm bảo đáp ứng yêu cầu đơn giản hóa thủ tục hành chính vừa đảm bảo chất lượng công tác quản lý nhà nước, Bộ Tư pháp xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 04/2015/TT-BTP.

Theo dự thảo, Thông tư dự kiến sửa đổi 25 Điều và bổ sung 02 Điều so với Thông tư số 04/2015/TT-BTP; bổ sung 02 biểu mẫu mới và sửa đổi nội dung của 03 biểu mẫu đã được ban hành theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP. Dự

thảo Thông tư gồm 6 chương với 37 điều. Các nội dung cơ bản được sửa đổi, bổ sung, gồm:

- Các quy định mới được bổ sung: Dự thảo Thông tư bổ sung 02 Điều mới quy định về việc tiếp nhận người tập sự hành nghề công chứng và hoàn thành tập sự hành nghề công chứng, cụ thể:

Tiếp nhận người tập sự hành nghề công chứng: Đề hướng dẫn cụ thể và chuẩn hóa quy định tại Điều 11 của Luật Công chứng về tiếp nhận người tập sự hành nghề công chứng, tháo gỡ vướng mắc cho địa phương vì Luật đã có quy định nhưng Thông tư 04/2015/TT-BTP hiện hành lại không có hướng dẫn, dự thảo Thông tư được bổ sung 01 điều quy định về vấn đề này. Theo đó, người đủ điều kiện tập sự hành nghề công chứng theo quy định của Luật Công chứng lựa chọn và thỏa thuận với một tổ chức hành nghề công chứng về việc nhận tập sự. Trong trường hợp người đủ điều kiện tập sự đã liên hệ ít nhất là 03 tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trong danh sách Sở Tư pháp công bố nhưng không được nhận vào tập sự thì gửi Giấy đề nghị Sở Tư pháp bố trí tập sự. Quy định này nhằm làm rõ trình tự tiếp nhận người tập sự theo khoản 1 Điều 11 của Luật Công chứng, mặt khác phát huy được tính chủ động của người tập sự, giảm bớt gánh nặng cho các Sở Tư pháp trong việc chỉ định tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự.

Hoàn thành tập sự hành nghề công chứng: Thông tư quy định rõ điều kiện công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng, trách nhiệm của Sở Tư pháp, hồ sơ cần nộp và thời hạn xem xét, quyết định việc hoàn thành tập sự. Việc quy định cụ thể về vấn đề này nhằm tránh cách hiểu cứ hết thời gian tập sự thì đương nhiên được coi là hoàn thành tập sự và làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với việc tập sự hành nghề công chứng.

- Các quy định được sửa đổi: Dự thảo Thông tư sửa đổi 25 Điều trong tổng số 35 Điều của Thông tư số 04/2015/TT-BTP, cụ thể: Đăng ký tập sự hành nghề công chứng; thời gian tập sự hành nghề công chứng; thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng; tạm ngừng, chấm dứt tập sự hành nghề công chứng; nhật ký tập sự, báo cáo quá trình tập sự hành nghề công chứng; quyền và nghĩa vụ của người tập sự; trách nhiệm của công chứng viên hướng dẫn tập sự; từ chối hướng dẫn tập sự; thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập

sự; quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề công chứng; nội dung và hình thức kiểm tra; đăng ký tham dự kiểm tra; trách nhiệm tổ chức kiểm tra; Hội đồng kiểm tra; nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra; nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng kiểm tra; nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban của Hội đồng kiểm tra; nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Bổ trợ tư pháp và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp; nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xử lý vi phạm đối với việc tập sự hành nghề công chứng; điều khoản thi hành.

Các đại biểu tham gia Tọa đàm đã có nhiều ý kiến thảo luận về các nội dung của dự thảo, như: Quy định về thời gian tập sự hành nghề công chứng bắt đầu từ ngày Quyết định ghi tên người tập sự vào danh sách của Sở Tư pháp có hiệu lực; trường hợp người tập sự không bắt đầu tập sự từ ngày này thì Sở Tư pháp căn cứ vào văn bản giải trình của người tập sự để xem xét, quyết định việc ban hành quyết định ghi tên người tập sự mới hoặc quyết định xóa tên người tập sự khỏi danh sách. Để đảm bảo cho công tác thực hiện, cần quy định cụ thể trong thời hạn nhất định, người tập sự không bắt đầu tập sự thì tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm báo cáo với Sở Tư pháp để xem xét, giải quyết. Quy định về tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng: Cần bổ sung trường hợp người tập sự tạm ngừng tập sự thì tổ chức hành nghề công chứng phải có báo cáo với Sở Tư pháp để biết, bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước. Về nội dung tập sự hành nghề công chứng đối với người có thời gian tập sự là 6 tháng thì công chứng viên hướng dẫn thống nhất với tổ chức hành nghề công chứng về thời lượng và nội dung tập sự phù hợp nhưng phải bảo đảm tất cả các kỹ năng hành nghề công chứng theo quy định. Dự thảo quy định người tập sự có nghĩa vụ đảm bảo thời gian tập sự ít nhất 04 giờ mỗi ngày làm việc của tổ chức hành nghề công chứng; trong khi theo quy định thì thời gian tập sự là 12 tháng hoặc 6 tháng tùy theo từng nhóm đối tượng; để thống nhất và thuận lợi cho các bên, có thể quy định theo hướng số giờ tập sự tối đa phải đạt được đối với trường hợp tập sự 12 tháng và trường hợp tập sự 6 tháng. Nhiều ý kiến lựa chọn hình thức kiểm tra trắc nghiệm và kiểm tra viết...

CÔNG ĐOÀN - CHI ĐOÀN - HỘI CỤY CHIẾN BINH SỞ TƯ PHÁP GẶP MẶT CÁC VẬN ĐỘNG VIÊN CẦU LÔNG, BÓNG BÀN VÀ ĐỘI BÓNG ĐÁ SỞ TƯ PHÁP

■ NHƯ YẾN



Đồng chí Nguyễn Văn Hưng - Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Sở Tư pháp và đồng chí Phan Thùy Dương - Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Sở trao hoa và quà cho các đồng chí tham gia thi đấu tại giải Hội thao truyền thống lần thứ XIV

Thực hiện Kế hoạch số 1177/KH-KTĐNC ngày 18/4/2022 của Khối thi đua Nội chính về việc tổ chức giải bóng đá mini 7 người truyền thống năm 2022 và Kế hoạch số 04/KH - CĐVC của Công đoàn viên chức tỉnh về tổ chức Hội thao truyền thống lần thứ XIV - năm

2022; nhằm góp phần duy trì phong trào thể dục thể thao, khuyến khích toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan tiếp tục tham gia tích cực hơn nữa các phong trào, hoạt động thể thao của cơ quan, đơn vị và đoàn thể cấp trên phát động. Vào

chiều ngày 12 tháng 5 năm 2022, được sự đồng ý của Giám đốc Sở Tư pháp, Công đoàn - Chi đoàn - Hội Cựu chiến binh Sở Tư pháp đã phối hợp tổ chức buổi sinh hoạt, ra mắt các vận động viên cầu lông, bóng bàn và ra mắt, giới thiệu trang phục thi đấu đội bóng đá Sở Tư pháp.

Tham dự buổi sinh hoạt có đồng chí Đào Chuẩn - Giám đốc Sở Tư pháp, các đồng chí Phó Giám đốc Sở, vận động viên của đội thi đấu cầu lông, bóng bàn cùng toàn thể thành viên của Câu lạc bộ Bóng bàn, cờ tướng và bóng đá Sở Tư pháp.

Đầu năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh đã cơ bản được kiểm soát, nhờ đó, nhiều hoạt động đoàn thể, phong trào thể dục thể thao của cơ quan, đơn vị đã được đẩy mạnh tổ chức, triển khai. Cụ thể, trong Quý I/2022, với sự ra mắt Diêm sinh hoạt Đoàn thể do Công đoàn - Chi đoàn - Hội Cựu chiến binh Sở Tư pháp phối hợp thực hiện đã tạo ra một địa điểm giao lưu, giải trí bổ ích của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Tại đây, các đoàn thể đã liên tục tổ chức các chương trình như: Cà phê buổi sáng (tuyên dương các cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc trong phong trào đoàn thể, tổ chức mừng sinh nhật cho các đoàn viên có sinh nhật trong tháng/quý); Chương trình cà phê tháng thanh niên (ký kết chương trình phối hợp giữa các Đoàn thể năm 2022, ra mắt Ban Chấp hành Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Sở Tư pháp); giao lưu, rèn luyện cờ tướng giữa các vận động viên trong câu lạc bộ Cờ tướng... Đồng thời, nhân kỷ niệm 91 năm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2022), Chi đoàn Sở Tư pháp đã tổ chức ôn lại truyền thống 91 năm hình thành và phát triển của tổ chức Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (TNCSHCM), phối hợp với Chi đoàn trưởng Chính trị Nguyễn Chí Thanh, Chi đoàn Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi đoàn Công an thành phố Huế tiến hành dâng hoa, dâng hương tại Bảo tàng Hồ Chí Minh (số 07 Lê Lợi - thành phố Huế), phối

hợp với các Chi đoàn, Đoàn Thanh niên các cơ quan tổ chức giải đá bóng giao lưu, giao hữu.v.v...Nhìn chung, các hoạt động, phong trào Đoàn thể đã có sự khởi sắc, đảm bảo cả về chất và lượng.

Cũng tại buổi sinh hoạt, thay mặt Công đoàn cơ quan, đồng chí Nguyễn Văn Hưng - Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc, chủ tịch Công đoàn Sở Tư pháp và đồng chí Phan Thùy Dương - Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Sở đã trao hoa và quà để ghi nhận sự tham gia, đóng góp tích cực vào phong trào thể dục thể thao của các đồng chí tham gia thi đấu tại giải Hội thao truyền thống lần thứ XIV do Công đoàn viên chức tỉnh tổ chức. Món quà nhỏ với mong muốn khích lệ tinh thần thi đấu cũng như lời chúc đến đội Cầu lông, bóng bàn, hi vọng các đồng chí sẽ thi đấu xuất sắc, đạt thành tích cao nhất trong giải đấu lần này.

Nhằm chuẩn bị cho giải bóng đá mini 07 người truyền thống năm 2022 của Khối thi đua Nội chính được tổ chức vào đầu tháng 6/2022, thông qua kêu gọi và tuyển chọn, đến nay Sở Tư pháp đã thành lập đội bóng đá nam gồm 20 thành viên. Sau một thời gian chuẩn bị, tích cực rèn luyện, tham gia giao lưu nhiều giải đấu, đội hình câu lạc bộ Bóng đá Sở Tư pháp cùng đồng phục thi đấu chính thức đã được ra mắt, giới thiệu đến Ban Lãnh đạo và toàn thể công chức, viên chức Sở. Cũng trong dịp này, để tuyên dương những đóng góp của đội bóng, đồng chí Đào Chuẩn - Giám đốc Sở và đồng chí Nguyễn Thanh Sơn - Phó Giám đốc Sở đã trao hoa và những món quà ý nghĩa gửi đến đội bóng với hi vọng đội bóng sẽ thi đấu hết mình và giành được thành tích cao trong giải đấu tới đây.

Có thể nói, nhờ có sự quan tâm, hỗ trợ của Lãnh đạo Sở và sự ủng hộ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, hi vọng rằng, trong thời gian tới đây, các hoạt động và phong trào Đoàn thể Sở Tư pháp sẽ tiếp tục được tổ chức sôi nổi, gặt hái được nhiều kết quả, góp phần vào thành tích chung của cơ quan, đơn vị./.

N.Y

Hướng đến chào mừng kỷ niệm 132 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại (19/5/1890 - 19/5/2022); vào sáng ngày 19 tháng 5 năm 2022, Đảng ủy Sở Tư pháp đã long trọng tổ chức Lễ trao tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng cho đồng chí Nguyễn Thanh Sơn - Phó Giám đốc Sở Tư pháp và đồng chí Phan Bá Mỹ - Trưởng phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật, Sở Tư pháp. Để bày tỏ sự xúc động trong lòng mình tại buổi Lễ, đồng chí Nguyễn Thanh Sơn đã viết và trình bày tác phẩm thơ “Tự hào bước dưới cờ Đảng”

Tự hào bước dưới cờ Đảng

*Ba mươi năm qua, con bước dưới Đảng kỳ
Theo hướng tay Bác Hồ, cùng toàn dân tiến về phía trước
Vượt bao khó khăn, gian nan không chùn bước
Tình bước tôi luyện con trưởng thành!*

*Tiếp bước tự hào truyền thống cha anh
Trao truyền nhau ngọn cờ Độc lập - Tự do - Ấm no - Hạnh phúc
Tiếng trống Xô Viết năm xưa vẫn âm vang thúc giục
Lớp lớp cháu con Hồng Lạc tiến lên!*

*Sống trong hòa bình hôm nay, con đâu dám lãng quên
Được đánh đổi bởi bao máu đào Anh hùng Liệt sỹ
Là công sức, trí tuệ của Đảng, của đồng bào, đồng chí
Những người đồng đội của con!*

*Tự hào thay! Thề một dạ sắt son
Nguyện vì dân! Theo Đảng đến cùng sự nghiệp
Cùng đồng đội, trang sử vàng viết tiếp
Xây dựng nước Việt Nam hùng cường!*

* *

*

*Bồi hồi, xúc động, nhớ thương
Cha già dân tộc, soi đường con đi!*

19/5/2022

NGUYỄN THANH SƠN
Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế